

Bản án số: 70/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 07/11/2018

*“V/v Tranh chấp ly hôn
và nuôi con chung”*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHƯỚC LONG - TỈNH BẠC LIÊU

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Đang.

Các Hội thẩm nhân dân:

- 1. Bà Dương Thị Tú Phương.**
- 2. Ông Phan Văn Chiếu.**

Thư ký Tòa án: Ông Ngô Văn Trường - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phước Long.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phước Long: Bà Đoàn Vũ Loan – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong ngày 07 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phước Long, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 230/2018/TLST – HNGĐ ngày 21 tháng 8 năm 2018, về việc: *“Tranh chấp ly hôn và nuôi con chung”* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 141/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 10 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 116/2018/QĐST-HNGĐ ngày 22 tháng 10 năm 2018, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Sơn Thị Châu Ph** – sinh năm 1987. Địa chỉ: Ấp A, xã P, huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

Bị đơn: Anh **Lâm Đình P** - sinh năm 1980. Địa chỉ: Ấp A, xã P, huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN

* Theo đơn khởi kiện và các lời khai có trong hồ sơ vụ án nguyên đơn chị Sơn Thị Châu Ph trình bày và yêu cầu:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Sơn Thị Châu Ph và anh Lâm Đình P tự nguyện sống chung như vợ chồng từ năm 2012 và có đăng ký kết hôn theo quy định

của pháp luật tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện H. Do đời sống chung không hạnh phúc dẫn đến mâu thuẫn gia đình, nên chị Ph và anh P không sống chung từ năm 2014 cho đến nay. Hiện tại chị Ph không còn tình cảm với anh P nên chị Ph yêu cầu ly hôn anh P.

- Về con: Chị Ph xác định trong thời gian chung sống chị và anh P có 01 con chung tên Sơn Thị Tuyết Ng - sinh ngày 29 tháng 12 năm 2013, cháu Ng hiện tại đang sống chung chị Ph. Chị Ph yêu cầu được tiếp tục nuôi con, không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản và nợ: Chị Ph xác định chị và anh P không có tài sản và không có nợ, nên chị Ph không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn anh Lâm Đình P đã được triệu tập hợp lệ nhưng không có mặt tại Tòa án, cũng không nộp văn bản thể hiện ý kiến của anh P đối với yêu cầu của chị Ph.

*** *Tại phiên tòa:***

- Nguyên đơn vắng mặt, không có nộp văn bản thể hiện ý kiến khác các ý kiến đã trình bày trước đây.

- Bị đơn vắng mặt, không nộp văn bản thể hiện ý kiến đối với yêu cầu của nguyên đơn.

- Không có đương sự giao nộp tài liệu, chứng cứ mới.

*** *Ý kiến của Kiểm sát viên:***

- Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán kể từ khi thụ lý vụ án đến khi ban hành quyết định đưa vụ án ra xét xử đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật. Đối với Hội đồng xét xử và Thư ký Tòa án tính từ thời điểm bắt đầu phiên tòa cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào phòng nghị án đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật. Nguyên đơn đã tuân thủ đúng theo quy định của pháp luật, bị đơn vi phạm khoản 15 và 16 Điều 70 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án:

+ Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Sơn Thị Châu Ph, chị Sơn Thị Châu Ph được ly hôn anh Lâm Đình P.

+ Về con: Giao cháu Sơn Thị Tuyết Ng - sinh ngày 29 tháng 12 năm 2013 cho chị Ph trực tiếp nuôi, anh P có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được quyền cản trở.

+ Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự xác định không có tài sản chung và không có nợ chung, nên không xem xét giải quyết.

*** *Các tình tiết của vụ án:***

- Về hôn nhân: Chị Ph và anh P tự nguyện sống chung như vợ chồng và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật; Chị Ph xác định do đời sống chung có nhiều mâu thuẫn nên chị và anh P không sống chung từ năm 2014 cho đến nay. Hiện tại chị Ph không còn tình cảm với anh P nên yêu cầu được ly hôn anh P.

- Về con chung: Chị Ph và anh P có một con chung tên Sơn Thị Tuyết Ng - sinh ngày 29 tháng 12 năm 2013, cháu Ng đang sống chung chị Ph. Anh P không tranh chấp nuôi con với chị Ph.

- Về tài sản và nợ: Chị Ph xác định vợ chồng chị không có tài sản chung và không có nợ chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị Ph yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh P, được Tòa án nhân dân huyện Phước Long thụ lý - giải quyết là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[2] Xét yêu cầu của chị Ph về hôn nhân: Chị Ph và anh P tự nguyện sống chung như vợ chồng, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Do đời sống chung của chị Ph và anh P có nhiều mâu thuẫn dẫn đến vợ chồng không sống chung từ năm 2014 cho đến nay, trong suốt thời gian ly thân chị Ph và anh P không có hành động gì hàn gắn quan hệ hôn nhân, hiện tại chị Ph cũng không còn tình cảm với anh P.

Mặt khác, ngay sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã thông báo cho anh P biết về việc chị Ph có yêu cầu ly hôn và yêu cầu nuôi con đối với anh P. Đồng thời, anh P đã được Tòa án triệu tập làm việc và hòa giải 02 lần, triệu tập hợp lệ xét xử 02 lần nhưng anh P không đến theo giấy triệu tập của Tòa án; Điều này chứng tỏ anh P đã bỏ mặc mối quan hệ hôn nhân giữa anh và chị Ph, không mong muốn tiếp tục hôn nhân với chị Ph. Từ đó, Hội đồng xét xử cũng có đủ căn cứ xác định đời sống chung của chị Ph và anh P không hạnh phúc, hôn nhân đang trong tình trạng trầm trọng, không thể tiếp tục đời sống chung, nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình cho chị Ph được ly hôn anh P.

[3] Xét về con chung:

- Về quyền nuôi con: Do anh P không tranh chấp nuôi con với chị Ph, chị Ph có yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung khi ly hôn, nên Hội đồng xét xử giao cháu Sơn Thị Tuyết Ng - sinh ngày 29 tháng 12 năm 2013 cho chị Ph tiếp tục nuôi. Anh P có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung theo quy định của pháp luật, không ai được quyền cản trở.

- Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Do chị Ph không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[4] Về quan hệ tài sản và nợ: Do chị Ph xác định chị và anh P không có tài sản chung và không có nợ chung, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải

quyết.

[5] Về án phí trong vụ án: Chị Ph phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

[6] Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên về thủ tục tố tụng và ý kiến về việc giải quyết vụ án là đúng, nên được Hội đồng xét xử ghi nhận.

[7] Các đương sự có quyền kháng cáo và Viện kiểm sát nhân dân có quyền kháng nghị Bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Áp dụng các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 244, 246, 271, 273, 278 và Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Áp dụng Điều 8; 9; 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình được sửa đổi bổ sung năm 2014;

- Áp dụng Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Sơn Thị Châu Ph đối với anh Lâm Đình P, chị Ph được ly hôn anh P.

2. Về quyền nuôi con:

- Giao con chung của chị Sơn Thị Châu Ph và anh Lâm Đình P là cháu Sơn Thị Tuyết Ng - sinh ngày 29 tháng 12 năm 2013 cho chị Ph trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng; anh P có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung theo quy định của pháp luật, không ai được quyền cản trở.

- Chị Sơn Thị Châu Ph không yêu cầu anh Lâm Đình P cấp dưỡng nuôi con, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

3. Về quan hệ tài sản và nợ chung: Do chị Sơn Thị Châu Ph xác định chị và anh P không có tài sản chung và không có nợ chung, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Buộc chị Sơn Thị Châu Ph phải chịu án phí Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm là 300.000đ. Chị Ph đã nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000đ theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0013649 ngày 21 tháng 8 năm 2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện H, được chuyển thu án phí 300.000đ.

Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án

theo Điều 6; quyền và nghĩa vụ theo các Điều 7, 7a, 7b; tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Án xử sơ thẩm công khai, đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày tròn, kể từ ngày nhận được hoặc niêm yết Bản án. Viện kiểm sát nhân dân có quyền kháng nghị Bản án theo quy định của pháp luật./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận

- VKSND cùng cấp;
- Chi cục THADS cùng cấp;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Phan Thị Đang